

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 186/2024/HS-PT
Ngày: 25 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hùng Cường.

Các Thẩm phán: Ông Võ Trung Hiếu.

Ông Võ Ngọc Giàu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Mơ – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Trần Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 174/2024/TLPT-HS ngày 11 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2024/HS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

- **Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 06/7/1993 tại tỉnh Tiền Giang. Thẻ CCCD: 082193003231; Nơi cư trú: ấp T, xã L, thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh L và bà Lê Thị Thu H1; Bị cáo có chồng: Lê Phương H2 và có 02 người con; tiền sự, tiền án: không; Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Phương H2 (tên gọi khác: K), sinh ngày 02/4/1997 tại tỉnh Tiền Giang. Thẻ CCCD: 082097013919; Nơi cư trú: ấp T, xã L, thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trần Quốc D và bà Lê Nguyễn Thùy T; Vợ: Nguyễn Thị Ngọc H và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30 tháng 7 năm 2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Tuấn K1 (tên gọi khác: Kiệt M), sinh ngày 27/5/2002 tại tỉnh Tiền Giang. Thẻ CCCD: 082202001496; Nơi cư trú: ấp V, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn P và bà Lê Thị Đ; Vợ, con: chưa có; Tiền án: không. Tiền sự: 01 lần: Ngày 27/12/2022,

Lê Tuấn K1 bị Công an xã L, huyện G xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép với số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng), bị cáo K1 đã chấp hành xong. Tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội là ngày 27/7/2023 thì bị cáo K1 không được xem như chưa bị xử lý vi phạm hành chính theo Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28 tháng 7 năm 2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra bản án còn có 04 bị cáo khác; 03 bị hại và 30 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo; Bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 6/2023, bà Hồ Ngọc H3 (tên thường gọi là T1) thông qua bà Đặng Thị R quen biết và vay tiền của Nguyễn Thị Ngọc H với số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng), vay với hình thức trả góp. Sau nhiều lần bà H3 trả góp cho H thì số tiền còn nợ lại là 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm nghìn đồng) với lãi suất 20%/tháng. Đến ngày 25/7/2023, bị cáo H đến gặp bà H3 để lấy tiền nợ, sau đó hai bên có xảy ra cự cãi với nhau nên H kêu Trần Văn P1 đến tiệm phô tô để in hình ảnh của bà H3 cùng với dòng chữ có nội dung "*Con Chó T2 Trả Tiền Cho Tao*" thành nhiều tờ giấy, nhằm mục đích rải những tờ giấy trên ở khu vực nhà của bà H3 để yêu cầu bà H3 trả tiền. Sau khi P1 in những tờ giấy trên xong và mang về đưa lại cho H.

Đến tối ngày 26/7/2023, H gọi điện thoại cho Phan Thanh C (tên thường gọi là B), kêu C đến nhà của H đưa cho C sấp giấy có in hình ảnh của bà H3 cùng với dòng chữ có nội dung "*Con Chó T2 Trả Tiền Cho Tao*" và kêu C mang đến khu vực xung quanh nhà của bà H3 để rải. Chương điều khiển xe mô tô biển số 63B6-209.33 chở theo một thanh niên tên là V cùng đi xuống nhà của bà H3 và rải những tờ giấy trên nhằm mục đích yêu cầu bà H3 trả nợ cho H số tiền còn lại.

Đến trưa ngày 27/7/2023, bà Phạm Thị X (là mẹ ruột của bà H3) và người nhà của bà H3 thấy những tờ giấy in hình ảnh của bà H3 cùng với dòng chữ có nội dung "*Con Chó Truyền Trả Tiền Cho Tao*" ở khu vực xung quanh nhà nên lo sợ, do đó người nhà của bà H3 liên lạc với H để trả tiền nợ. Khi đi xuống nhà của bà H3 để lấy số tiền nợ còn lại, H có gọi điện thoại cho Nguyễn Thanh T3 (Ken); Lê Tuấn K1; Trần Văn P1, Phan Thanh C và Nguyễn Yên Hà N cùng nhau đi trên 04 xe mô tô đến nhà bà H3 để lấy tiền nợ. Cụ thể: Nguyễn Thanh T3 điều khiển xe mô tô loại SH màu trắng không biển số chở Nguyễn Thị Ngọc H, H cầm theo 01 cây gậy bóng chày được để trong túi vải màu đen còn Phan Thanh C điều khiển xe mô tô biển số 63B6-209.33 chở Trần Văn P1, Lê Tuấn K1 điều khiển xe mô tô biển số 63B5-479.71 đi một mình, Nguyễn Yên Hà N điều khiển xe mô tô biển số 29Y6-5086 đi một mình. Khi đến nhà bà H3 và H có cự cãi nhau, từ đó dẫn đến việc giữa bà H3 cùng với H xô xát với nhau làm cho bà H3 bị thương tích với tỷ lệ 08% (tám phần trăm). Sau đó nhóm của H bỏ đi về. Sau khi sự việc xảy ra, người nhà của bà H3 đã liên hệ với H để đưa số tiền 4.200.000 đồng. Nhưng giữa H và người nhà của H3 bàn bạc thống nhất với nhau chỉ trả số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng)

nữa là hết nợ. Sau đó, em ruột của bà H3 là chị Hồ Thị Ngọc C1 đã liên hệ với H để trả số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) là tiền bà H3 còn nợ H, H có kêu một người thanh niên tên T4 (Không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) đến gặp bà C1 để lấy số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), H tiếp tục kêu P1 đi xuống gặp T4 lấy số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) mang về đưa lại cho H.

Qua điều tra mở rộng, Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định ngoài hành vi cưỡng đoạt tài sản mà bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H cùng các đồng phạm thực hiện như đã nêu trên thì bị cáo H và bị cáo Lê Phương H2 (Ken) còn thực hiện 02 (hai) vụ cưỡng đoạt tài sản khác, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Từ khoảng tháng 3 năm 2022, chị Nguyễn Thị P2, nhiều lần vay tiền của Nguyễn Thị Ngọc H với hình thức vay trả góp. Sau nhiều lần vay tiền. Đến tháng 4/2023, chị P2 xác nhận còn nợ H số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Nhiều lần H đến nhà và liên hệ qua điện thoại với chị P2 nhưng không được nên H có in những tờ giấy có in hình của chị P2 và dòng chữ "*Con chó ăn dứt không trả tiền*" đem đến khu vực trước đường vào nhà của chị P2 để rải. Chồng của chị P2 là anh Đặng Văn Q nhặt được những mảnh giấy trên và có cự cãi với H. Sau đó, do bức tức H về nhà kể lại toàn bộ sự việc cho chồng là Lê Phương H2 nghe, H tiếp tục liên lạc qua điện thoại gặp anh Q là chồng của chị P2 để đòi nợ, anh Q có có kêu H đi xuống nhà của anh Q để giải quyết tiền nợ. Sau đó, H2 sử dụng xe ô tô biển số 63A-217.25 chở H đến nhà gặp anh Q để gây áp lực và lấy tiền nợ. Do sợ ảnh hưởng gia đình nên anh Q hứa sẽ trả tiền thay cho chị P2. Anh Q đã chuyển cho H hai lần tiền tổng cộng là 5.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng tháng 6/2023, bị cáo Lê Phương H2 cho chị Trần Thị N1 vay với số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với hình thức vay trả tiền đứng. Do nhiều lần chị N1 trả tiền chậm trễ nên bị cáo H2 nhiều lần đến nhà đòi nợ và dùng bình sơn màu đỏ xịt sơn với nội dung "*N1 chó, mày đâu về trả tiền cho tao*" lên tường rào nhà của chị N1 buộc trả tiền nợ. Sau đó, bị cáo H2 tiếp tục kêu bị cáo C ghi chữ "*Về trả tiền*" lên tường rào nhà chị N1 nhằm mục đích đòi nợ từ chị N1.

Ngày 27/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện G đã tiến hành khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra vụ việc tại ấp A, xã G, huyện G và khám xét khẩn cấp tại nhà của Nguyễn Thị Ngọc H tại ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, đồng thời thu giữ nhiều tang vật có liên quan đến vụ án như:

- 01 (một) gậy bóng chày có dán decal chữ "BAT" có thân màu xanh, phần cán có quấn băng keo màu đen và 01 (một) túi vải đựng màu đen; 01 (một) gậy bóng chày có dán decal chữ "BAT" có thân màu bạc, phần cán có quấn băng keo màu đen và 01 (một) túi vải đựng màu đen; 01 (một) xe máy gắn biển số 63B5-479.71, số loại: MXKING 150, màu sơn: đen, số máy: G3E6E0489842, số khung: MH3UG0750KK019651; 01 (một) xe máy gắn biển số 63B6-209.33, số loại: EXCITER, màu sơn: xanh đen, số máy: G3D4E147556, số khung: RLCUG0610FY134952; 01 (một) xe máy gắn biển số 63B6-493.16, số loại: Vario 150, màu sơn: Đen đồng, số máy: KF41E2219300, số khung: MH1KF4124MK215383; 01 (một) xe máy gắn biển số 29Y6-5086, nhãn hiệu:

Attila; số loại: Alizabeth, màu sơn: trắng, số máy: VMVT5AD008298, số khung: RLGKA12ED7D008298; 01 (một) xe Ô tô con, biển số 63A-217.25, số loại TUCSON, số máy: G4NLNU710696, số khung: RLUSD81DBNN006612. 01 (một) quyển tập "Hòa Bình" loại 96 trang trong đó từ trang số 1 đến trang số 32 có ghi một số nội dung gồm chữ và số có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị Ngọc H. 30 (Ba mươi) tờ giấy với nhiều kích thước khác nhau có ghi chữ và số, có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị Ngọc H. 375 (Ba trăm bảy mươi lăm) tờ giấy có in hình ảnh và nội dung dòng chữ "*N1 chó, cha mẹ mày dạy ăn dụt ha gì về trả tiền cho tao, điện thoại tao gấp*" được in hai mặt; 375 (Ba trăm bảy mươi lăm) tờ giấy có in hình ảnh và nội dung dòng chữ "*C2 chó, cha mẹ mày dạy ăn dụt ha gì về trả tiền cho tao, điện thoại tao gấp*" được in hai mặt; 252 (hai trăm năm mươi hai) tờ giấy có in hình ảnh và nội dung dòng chữ "*Lưu chó, cha mẹ mày dạy ăn dụt ha gì về trả tiền cho tao, điện thoại tao gấp*" được in hai mặt; 500 (Năm trăm) tờ giấy có in hình ảnh và nội dung dòng chữ "*T5 chó, cha mẹ mày dạy ăn dụt ha gì về trả tiền cho tao, điện thoại tao gấp*" được in hai mặt; 375 (Ba trăm bảy mươi lăm) tờ giấy có in hình ảnh và nội dung dòng chữ "*L1 chó, cha mẹ mày dạy ăn dụt ha gì về trả tiền cho tao, điện thoại tao gấp*" được in hai mặt; 375 (Ba trăm bảy mươi lăm) tờ giấy có in hình ảnh và nội dung dòng chữ "*Cô T6 về trả tiền tui gấp*" được in hai mặt; 250 (Hai trăm năm mươi) tờ giấy có in hình ảnh và nội dung dòng chữ "*Tiền chó, cha mẹ mày dạy ăn dụt ha gì về trả tiền cho tao, điện thoại tao gấp*" được in hai mặt; 375 (Ba trăm bảy mươi lăm) tờ giấy có in hình ảnh và nội dung dòng chữ "*Thủy chó, cha mẹ mày dạy ăn dụt ha gì về trả tiền cho tao, điện thoại tao gấp*" được in hai mặt; 249 (Hai trăm bốn mươi chín) tờ giấy có in hình ảnh và nội dung dòng chữ "*Liên chó, cha mẹ mày dạy ăn dụt ha gì về trả tiền cho tao, điện thoại tao gấp*" được in hai mặt; 374 (Ba trăm bảy mươi bốn) tờ giấy có in hình ảnh và nội dung dòng chữ "*H4 chó, cha mẹ mày dạy ăn dụt ha gì về trả tiền cho tao, điện thoại tao gấp*" được in hai mặt; 375 (Ba trăm bảy mươi lăm) tờ giấy có in hình ảnh và nội dung dòng chữ "*Tiêu chó, cha mẹ mày dạy ăn dụt ha gì về trả tiền cho tao, điện thoại tao gấp*" được in hai mặt; 431 (Bốn trăm ba mươi một) tờ giấy có in hình ảnh và nội dung dòng chữ "*Con chó ăn dụt không trả tiền*" được in một mặt. 01 quyển tập "Tuổi học trò" loại 96 trang trong đó từ trang số 1 đến trang số 19 có ghi nội dung gồm chữ và số. 19 (Mười chín) tờ giấy có in hình người và dòng chữ "*Con chó Truyền trả tiền cho tao*", bị rách và dính bùn đất. 01 (một) quần Jean dài, màu xanh; 01 (một) áo khoác dài tay màu nâu; 01 (một) quần short Jean màu đen-xám; 01 (một) áo sơ mi sọc caro màu đỏ đen; 01 (một) áo khoác dài tay màu đen, có hoa văn VL; 01 (một) nón lưỡi trai màu nâu có in chữ "True Religion"; 01 (một) nón lưỡi trai, nhiều hoa văn màu vàng đen; 01 (một) đôi dép quay chéo màu đen; 01 (một) Iphone X màu đen, loại cảm ứng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 (một) điện thoại di động N2 màu đen, loại bàn phím, IMEI 1: 352607740033184; 01 (một) điện thoại di động Nokia màu xanh, loại bàn phím, IMEI 1: 355406842195117; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, loại cảm ứng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, loại bàn phím, IMEI: 353408/04/788919/8; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone có mặt lưng màu xanh, loại cảm ứng, không kiểm tra chất

lượng bên trong; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone có mặt lưng màu tím, loại cảm ứng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 (một) cây kéo, có cán bằng nhựa màu vàng, lưỡi bằng kim loại màu trắng; Tiền Việt Nam 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) gồm: 08 (tám) tờ P3 mệnh giá 500.000 đồng.

Ngày 07/8/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện G trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh T giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể của nạn nhân bà Hồ Ngọc H3, sinh ngày 09/6/1981, đăng ký thường trú: ấp A, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Theo kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 290-2023/KLTTCT-TTPY ngày 08/08/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh T kết luận:

1. Các kết quả chính: Kết quả khám giám định. Gãy xương ức.
2. Kết luận: Căn cứ thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/08/2019 của Bộ trưởng Bộ Y Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Hồ Ngọc H3 là: 08% (tám phần trăm) theo phương pháp cộng lại Thông tư. Kết luận khác: Xác định vật gây thương tích: Thương tích Hồ Ngọc H3 do vật tày gây nên. Phân tích tỷ lệ phần trăm từng vết thương: Gãy xương ức. Tỷ lệ: 08% (T7 phần trăm).

Ngoài hành vi cưỡng đoạt tài sản nêu trên, quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục mở rộng điều tra vụ án, xác định: Lê Phương H2 (K) đã đến địa bàn huyện G, tỉnh Tiền Giang cho người dân trên địa bàn vay tiền với lãi suất từ 20% đến 60%/tháng tương đương 240% đến 720%/ năm.

Cụ thể, vào đầu năm 2022, Lê Phương H2 đến địa bàn huyện G, tỉnh Tiền Giang đề hoạt động cho vay, H2 đã trực tiếp in các mảnh giấy tờ rơi có nội dung cho vay tiền có ghi số điện thoại của H2, nội dung mảnh giấy "*Cho vay tiền góp 0971550773*" sau đó điều khiển xe mô tô biển số 63B6-493.16 đến khu vực thuộc địa bàn huyện G, tỉnh Tiền Giang để rải trên đường và khu vực đông dân cư. Khi có người cần liên hệ vay tiền sẽ gọi vào số điện thoại trên để gặp và trao đổi vay tiền trực tiếp với H2. Về cách thức cho vay tiền: Sau khi thống nhất được số tiền vay và hình thức vay trả góp (tiền lãi và tiền gốc) hoặc trả tiền đứng (tiền lãi) thì H2 hẹn địa điểm với người vay để H2 đến gặp và trực tiếp giao tiền cho người vay. Đối với hình thức trả góp hoặc trả lãi đều giao động từ 1 đến 2 ngày người vay phải gặp bị cáo H2 để đóng tiền cho bị cáo H2 ở địa điểm đã hẹn trước đó. Khi cho người khác vay tiền bị cáo H2 không có làm giấy tờ vay hay hợp đồng chỉ thỏa thuận miệng cho vay với người vay. Về cách thức trả tiền: Do có thỏa thuận trước với người vay, có thể hằng ngày H2 đến gặp trực tiếp người vay để lấy tiền hoặc cách hai ngày một lần H2 đến lấy tiền. Về hình thức cho vay như sau: Vay trả góp, thì người vay phải đóng tiền góp hằng ngày. Tiền trả hằng ngày = (Tiền vay + Tiền lãi)/Số ngày vay. Lê Phương H2 cho người vay trả góp trong vòng 24 ngày. Vay trả lãi (T8 đứng), thì người vay phải trả tiền lãi hằng ngày, tiền gốc vẫn giữ nguyên, đến khi trả tiền gốc thì không phải trả tiền lãi. Do cách thức trả tiền được tính như trên nên lãi suất, số tiền thu lợi bất chính được tính theo tỷ lệ dựa vào thời gian vay và quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

(Lãi suất cho vay tối đa trung bình một tháng sẽ là 20% chia cho 12 tháng = 1,666%/tháng).

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định: Bị cáo Lê Phương H2 đã cho 09 người trên địa bàn huyện G vay tiền với hình thức vay trả góp, trả tiền lãi và thu lợi bất chính, cụ thể như sau: (Đơn vị tính: đồng)

TT	THÔNG TIN NGƯỜI VAY TIỀN	SỐ TIỀN VAY (Đồng)	TIỀN LÃI	SỐ TIỀN THU LỢI BẤT CHÍNH	GHI CHÚ
1	Đặng Thị H, sinh năm 1959, ngụ ấp N1, xã P, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang	10.000.000	2.000.000	1.866.720	Vay tiền góp
2	Trần Thị N, sinh năm 1973, ngụ ấp Xóm Lưới, xã Kiểng Phước, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang	10.000.000	5.000.000	4.722.333	Vay tiền đứng
3	Nguyễn Thị L, sinh năm 1971, ngụ ấp Dương Hòa, xã P, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang	5.000.000	1.000.000	933.360	Vay tiền góp
4	Nguyễn Thị Y, sinh năm 1971, ngụ Khu phố Dương Phú, thị trấn Tân Hòa, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang	5.000.000	6.000.000	5.833.400	Vay tiền đứng
5	Nguyễn Thị T, sinh năm 1973, ngụ ấp Xóm Lưới, xã Kiểng Phước, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang	19.000.000	6.000.000	5.600.160	Vay tiền đứng và tiền góp
6	Phạm Thị Cẩm T, sinh năm 1965, ngụ khu phố Dương Phú, thị trấn Tân Hòa, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang	10.000.000	6.000.000	5.833.400	Vay tiền đứng
7	Nguyễn Thị C, sinh năm 1969, ngụ Khu phố Dương Phú, thị trấn Tân Hòa, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang	20.000.000	4.000.000	3.733.440	Vay tiền góp
8	Trịnh Thị H, sinh năm 1967, ngụ ấp N2, xã P, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang	16.000.000	7.000.000	6.750.100	Vay tiền đứng

					và tiền góp
9	Đặng Thị H, sinh năm 1969, ngụ ấp N2, xã P, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang	7.000.000	3.400.000	3.290.044	Vay tiền góp
Tổng cộng:		102.000.000	40.400.000	38.562.957	

Tổng số tiền đã cho vay: 102.000.000 đồng (Một trăm lẻ hai triệu đồng).

Tiền lãi đã thu được: 40.400.000 đồng (Bốn mươi triệu bốn trăm nghìn đồng).

Số tiền thu lợi bất chính: 38.562.957 đồng (Ba mươi tám triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm năm mươi bảy đồng).

Quá trình điều tra, Lê Phương H2 đã thừa nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên. Cụ thể: Lê Phương H2 (K) đã cho người khác vay tiền với lãi suất từ 20% đến 60%/tháng tương đương 240% đến 720%/ năm vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 20%/năm (1,666%/tháng), thu lợi bất chính với tổng số tiền là: 38.562.957 đồng (Ba mươi tám triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm năm mươi bảy đồng).

Ngoài ra còn thu giữ các tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án.

Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2024/HSST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H , Lê Tuấn K1 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Bị cáo Lê Phương H2 phạm tội “ Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

1.1 Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 170; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

1.2 Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 170; khoản 1 Điều 201; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Phương H2 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 30 tháng 7 năm 2023.

Xử phạt: Bị cáo Lê Phương H2 số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

1.3 Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 170; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Tuấn K1 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 28 tháng 7 năm 2023.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt của các bị cáo khác, phần xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong các ngày 11, 12 tháng 8 năm 2024, các bị cáo Lê Tuấn K1 và Lê Phương H2 và Nguyễn Thị Ngọc H kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt.

* Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xử, đồng thời giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang trong phần tranh luận phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân cùng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, mức án Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản Cáo trạng và Bản án sơ thẩm đã xử, lời thừa nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Vào ngày 27/7/2023 và những ngày trước đó tại ấp A, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H, Lê Phương H2, Lê Tuấn K1 và các bị cáo khác đã có hành dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực và thủ đoạn khác để uy hiếp tinh thần bị hại Hồ Ngọc H3 nhằm chiếm đoạt số tiền 4.200.000 đồng và vào khoảng tháng 4/2023, tại ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H và Lê Phương H2 đã có hành vi đe dọa, uy hiếp tinh thần bị hại Nguyễn Thị P2 nhằm chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng và vào khoảng tháng 5/2023, tại ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang, các bị cáo Lê Phương H2 và Phan Thanh C đã có hành đe dọa, uy hiếp tinh thần bị hại Trần Thị N1 nhằm chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng. Ngoài ra, trong khoảng thời gian đầu năm 2022, tại địa bàn huyện G, tỉnh Tiền Giang bị cáo Lê Phương H2 đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với mức lãi suất cao hơn gấp 05 lần lãi suất Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính số tiền 38.562.975 đồng của các bị hại.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H, Lê Tuấn K1 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm đ khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Phương H2 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo điểm đ khoản 2 Điều 170 và khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng. Bởi lẽ, xét về ý thức chủ quan các bị cáo vẫn biết việc dùng thủ đoạn đe dọa uy hiếp tinh thần buộc bị hại và người thân của họ trả tiền một cách trái pháp luật là vi phạm nhưng các bị cáo đã bất chấp thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của bị hại một cách cố ý, chứng tỏ các bị cáo rất xem thường pháp luật. Hành vi này đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp cũng như nhân thân sức khỏe của người bị hại luôn được pháp luật bảo vệ, vụ án xảy ra đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương. Cho nên phải được xử lý nghiêm minh để cải tạo giáo dục, răn đe đồng thời phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá đúng tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của từng bị cáo đã thực hiện, cũng như nhân thân vai trò tham gia cùng với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt các bị cáo mức án như trên là thỏa đáng không nặng. Ngoài ra trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên yêu cầu kháng cáo của các bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H, Lê Tuấn K1 và Lê Phương H2.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 62/2024/HSST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H, Lê Tuấn K1 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Bị cáo Lê Phương H2 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

1.1 Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 170; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

1.2 Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 170; khoản 1 Điều 201; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Phương H2 03 (Ba) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 30 tháng 7 năm 2023.

Xử phạt: Bị cáo Lê Phương H2 số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

1.3 Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 170; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Tuấn K1 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 28 tháng 7 năm 2023.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H, Lê Phương H2, Lê Tuấn K1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND tỉnh Tiền Giang; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang; (1)
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang; (1)
- Trại Tạm giam CA tỉnh Tiền Giang; (1)
- TAND huyện Đ; (3)
- VKSND huyện Đ; (1)
- Công an huyện Đ; (1)
- THADS huyện Đ; (1)
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Hùng Cường